

Bản án số: 35/2023/HS-ST

Ngày: 18-07-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN - TỈNH HOÀ BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: ông Bùi Văn Ơn, ông Bùi Văn Quyết

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Bùi Văn Hương- Thư ký Toà án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:** ông Đinh Thế Tâm- Kiểm sát viên sơ cấp thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

Ngày 18/07/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 60/2023/TLHS-ST ngày 16 tháng 06 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 07 năm 2023 đối với bị cáo:

Bùi Văn K, sinh ngày 02/06/1985 tại xã Ngọc Sơn, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Nơi cư trú: xóm Trung Sơn, xã Ngọc Sơn, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hóa (học vấn) 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Khùn, sinh năm 1960 và bà Bùi Thị Kích, sinh năm 1961. Vợ là Bùi Thị Hải Yến, sinh năm 1986 và có 02 con lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2013. Tiền án; tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 10/2023/HSST-LCĐKNCC ngày 17/06/2023 của Toà án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn K là ông Bùi Văn M- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hòa Bình. Có mặt;

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ **Bùi Thị L, sinh năm 1985.** Nơi cư trú: xóm V, xã N, huyện L, tỉnh H. Có mặt;

+ **Bùi Văn T, sinh năm 1991.** Nơi cư trú: xóm V, xã H, huyện L, tỉnh H. Có mặt;

- Người Làm chứng: Bùi Thị Hải Y, sinh năm 1986. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu vay vốn để làm ăn nên vào ngày 12/5/2021, Bùi Văn Tân đã tìm gặp Bùi Văn K để vay số tiền là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) và thỏa thuận vay với mức lãi suất là 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày (Mười nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày), tương đương với tiền lãi là 2.100.000đ/01 tháng. Tuy nhiên, Khương chỉ thu tiền lãi là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/01 tháng. Quá trình cho Tân vay tiền, Tân đã trả cho Khương 7.000.000 (Bảy triệu đồng) tiền gốc và 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền lãi. Khương và Tân đã chốt tiền lãi đến ngày 12/02/2023, với tổng số tiền lãi mà Tân phải trả cho Khương là 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng), tương đương với 630 ngày tiền lãi. Tuy nhiên, Tân đã trả cho Khương tiền lãi 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tương ứng với 30 ngày lãi nên Tân chỉ phải trả cho Khương số tiền lãi là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Số tiền lãi 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) còn lại thì Tân chưa thanh toán cho Khương.

Ngày 10/11/2021, Bùi Thị Lệ tìm gặp Bùi Văn K để vay số tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) với mục đích trang trải sinh hoạt gia đình. Hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày (Mười nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày). Sau khi vay tiền, Lệ đã thanh toán tiền lãi cho Khương 07 (Bảy) lần, cụ thể: Lần thứ nhất là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); lần thứ hai là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng); lần thứ ba là 5.000.000đ (Năm triệu đồng); lần thứ tư là 3.000.000đ (Ba triệu đồng); lần thứ năm là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng); lần thứ sáu là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng); lần thứ bảy là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Tổng số tiền lãi mà Lệ đã thanh toán cho Khương là 47.000.000đ (Bốn mươi bảy triệu đồng) tương ứng với số tiền lãi của 134 (Một trăm ba mươi tư) ngày.

Đến ngày 10/01/2023, Khương và Lệ đã thống nhất tính cả tiền gốc và tiền lãi là 165.000.000đ (Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng), trong đó có 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) tiền gốc và 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) tương ứng với 286 ngày tiền lãi. Tuy nhiên, với khoản tiền 165.000.000đ (Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng) nói trên Lệ chưa thanh toán cho Khương.

Căn cứ Công văn số: 201/HBI-TTGSNH, ngày 30/03/2023 và Công văn số: 244/HBI-TTGSNH, ngày 12/04/2023 của Ngân hàng Nhà nước, chi nhánh tỉnh Hòa Bình, xác định:

- Mức lãi suất Bùi Văn K cho Bùi Văn Tân vay vượt quá 17,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Khương đã thu lợi bất chính 1.884.932đ (Một triệu, tám trăm tám mươi tư nghìn, chín trăm ba mươi hai đồng) và còn nhằm thu lợi bất chính thêm 37.698.630đ (Ba mươi bảy triệu, sáu trăm chín mươi tám nghìn, sáu trăm ba mươi đồng).

- Mức lãi suất Bùi Văn K cho Bùi Thị Lệ vay vượt quá 18,3 lần và 23,7 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Khương đã thu lợi bất chính

44.430.137đ (Bốn mươi bốn triệu, bốn trăm ba mươi nghìn, một trăm ba mươi bảy đồng) và còn nhằm thu lợi bất chính thêm 124.515.068đ (Một trăm hai mươi tư triệu, năm trăm mười lăm nghìn, không trăm sáu mươi tám đồng).

Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với vật chứng và các tài liệu, chứng cứ được cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 34/CT-VKS ngày 15/06/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình truy tố Bùi Văn K về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Thực hành quyền công tố tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách với bị cáo. Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo số tiền 50.000.000đ đến 60.000.000đ.

Về vật chứng vụ án:

- 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu: VIVO, loại: Y33S, màu xanh, số IMEI 1: 860993056873727, số IMEI 2: 860993056873727, số seri sim 1: 8984048000380135828, số seri sim 2: 8984048831004365306. Điện thoại cũ, đã qua sử dụng là công cụ phương tiện Bùi Văn K sử dụng trong giao dịch vay lãi đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Đối với giấy vay tiền giữa Bùi Văn K với Bùi Thị Lệ và Bùi Văn Tân, do bị cáo Bùi Văn K đã đốt bỏ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình, không thu giữ được nên HĐXX không xem xét.

Về các biện pháp tư pháp: đề nghị HĐXX căn cứ khoản Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự:

- Buộc bị cáo Bùi Văn K phải nộp lại số tiền gốc cho vay lãi cao là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) và số tiền lãi 2.684.931đ để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Thị Lệ phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 35.000.000đ đã vay nhưng chưa thanh toán cho bị cáo Bùi Văn K.

- Buộc bị cáo Bùi Văn K phải hoàn trả cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền đã thu lãi vượt so với mức tối đa theo quy định trong Bộ luật Dân sự cụ thể:

+ Trả cho anh Bùi Văn Tân, số tiền: 1.884.932đ (Một triệu, tám trăm tám mươi tư nghìn, chín trăm ba mươi hai đồng);

+ Trả cho Bùi Thị Lệ số tiền 44.430.137đ (Bốn mươi bốn triệu, bốn trăm ba mươi nghìn, một trăm ba mươi bảy đồng).

Bị cáo nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn và không có ý kiến tranh luận.

Người bào chữa của bị cáo Bùi Văn K thống nhất về tội danh và căn cứ áp dụng pháp luật như Kiểm sát viên đề nghị. Với luận cứ cho rằng: xét bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, trước khi phạm tội bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú. Bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, hiện bị cáo đang chung sống cùng vợ và cùng nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con nhỏ; bị cáo có bố - Ông Bùi Văn Khùn là người tham gia kháng chiến được hưởng trợ cấp một lần của Nhà nước. Từ những căn cứ và phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: áp dụng điểm khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Bùi Văn K 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là đã thể hiện được tính răn đe, sự nghiêm minh của pháp luật đồng thời cũng thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật hình sự Việt Nam, tạo điều kiện cho bị cáo được tiếp tục lao động, sinh hoạt với gia đình, cùng vợ nuôi dạy con cái lớn khôn. Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo số tiền 30.000.000đ là tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả mà hành vi bị cáo gây ra.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] *Về hành vi phạm tội:* Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận:

Từ khoảng tháng 5 năm 2021 đến tháng 2 năm 2023 Bùi Văn K sử dụng số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) của bản thân để cho anh Bùi Văn Tân vay với mức lãi suất vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong bộ luật dân sự 17,4 lần thu lời bất chính số tiền 1.884.932đ (Một triệu, tám trăm tám mươi tư nghìn, chín trăm ba mươi hai đồng) và còn nhằm thu lợi bất chính thêm 37.698.630đ (Ba mươi bảy triệu, sáu trăm chín mươi tám nghìn, sáu trăm ba mươi đồng); Sử dụng số tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) của bản thân để cho chị Bùi Thị Lệ vay với mức lãi suất vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong bộ luật dân sự từ 18,3 lần đến 23,7 lần thu lời bất chính số tiền 44.430.137đ (Bốn mươi bốn

triệu, bốn trăm ba mươi nghìn, một trăm ba mươi bảy đồng) và còn nhằm thu lợi bất chính thêm 124.515.068đ (Một trăm hai mươi tư triệu, năm trăm mười lăm nghìn, không trăm sáu mươi tám đồng).

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng bị pháp luật nghiêm cấm nhưng do muốn thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Như vậy, đủ cơ sở kết luận hành vi của Bùi Văn K đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[3]. Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tuy nhiên hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ mà còn xâm phạm đến lợi ích công dân được pháp luật bảo vệ, do đó cần có mức hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có bố đẻ Bùi Văn Khùn là người có công với cách mạng; đồng thời bị cáo đã đầu thú về hành vi phạm tội tại Cơ quan điều tra. Các tình tiết giảm nhẹ trên được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hành vi phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nơi cư trú ổn định. Xét thấy, có thể cho bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ cải tạo, giáo dục bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền để tăng cường tính răn đe, giáo dục.

[6] Về các biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự:

- Buộc bị cáo Bùi Văn K phải nộp lại số tiền gốc cho vay lãi cao là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) và số tiền lãi 2.684.931đ để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Thị Lệ phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 35.000.000đ đã vay nhưng chưa thanh toán cho bị cáo Bùi Văn K.

- Buộc bị cáo Bùi Văn K phải hoàn trả cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền đã thu lãi vượt so với mức tối đa theo quy định trong Bộ luật Dân sự cụ thể:

+ Trả cho anh Bùi Văn Tân, số tiền: 1.884.932đ (Một triệu, tám trăm tám mươi tư nghìn, chín trăm ba mươi hai đồng);

+ Trả cho Bùi Thị Lệ số tiền 44.430.137đ (Bốn mươi bốn triệu, bốn trăm ba mươi nghìn, một trăm ba mươi bảy đồng).

[7] Về xử lý vật chứng:

- 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu: VIVO, loại: Y33S, màu xanh, số IMEI 1: 860993056873727, số IMEI 2: 860993056873727, số seri sim 1: 8984048000380135828, số seri sim 2: 8984048831004365306. Điện thoại cũ, đã qua sử dụng là công cụ phương tiện Bùi Văn K sử dụng trong giao dịch vay lãi cần tịch thu sung công là phù hợp Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự

- Đối với giấy vay tiền giữa Bùi Văn K với Bùi Thị Lệ và Bùi Văn Tân, do bị cáo Bùi Văn K đã đốt bỏ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình, không thu giữ được nên HĐXX không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Văn K phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bùi Văn K 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 18/07/2023).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Ngọc Sơn, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của [Luật Thi hành án hình sự](#).

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

2. Về các biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự:

2.1. Buộc bị cáo Bùi Văn K phải nộp lại số tiền gốc cho vay lãi cao là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) và số tiền lãi 2.684.931đ (Hai triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn chín trăm ba mươi một đồng) để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

2.2. Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Thị Lệ phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 35.000.000đ đã vay nhưng chưa thanh toán cho bị cáo Bùi Văn K.

2.3. Buộc bị cáo Bùi Văn K phải hoàn trả cho anh những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền đã thu lãi vượt so với mức tối đa theo quy định trong Bộ luật Dân sự cụ thể:

- Trả cho anh Bùi Văn Tân, số tiền: 1.884.932đ (Một triệu, tám trăm tám mươi tư nghìn, chín trăm ba mươi hai đồng);

- Trả cho Bùi Thị Lệ số tiền 44.430.137đ (Bốn mươi bốn triệu, bốn trăm ba mươi nghìn, một trăm ba mươi bảy đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu: VIVO, loại: Y33S, màu xanh, số IMEI 1: 860993056873727, số IMEI 2: 860993056873727, số seri sim 1: 8984048000380135828, số seri sim 2: 8984048831004365306. Điện thoại cũ, đã qua sử dụng. *(Theo đúng biên bản giao nhận vật chứng số 48 ngày 19/06/2023 giữa Công an huyện Lạc Sơn và Chi cục thi hành án Dân sự huyện Lạc Sơn).*

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của [Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14](#) ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo Bùi Văn K phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Hình sự: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- CCTHADS huyện Lạc Sơn;
- Công an huyện Lạc Sơn;
- UBND xã N;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng

